

Số: 1203 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 23/TTr-SNV ngày 11/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức thực hiện công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực người có công; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính tại mục V phần B, mục VII phần C và mục IV phần D Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và

Xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 4194/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hội trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *glt*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ Nội vụ;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Trung tâm BC&TT TP, CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, KSTTHC4.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng
Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 1203 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính)
1	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác		Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú; Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc
3	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Nội vụ; Sở Nội vụ
4	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Nội vụ; Sở Nội vụ
5	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an		Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Nội vụ; Sở Nội vụ.
6	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Sở Nội vụ
7	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an		Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính)
8	1.0107808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh		Sở Nội vụ
9	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động		Sở Nội vụ
10	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh
11	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Nghị định số 45/2025/NĐ- CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Phòng Nội vụ; Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng; Sở Nội vụ
12	1.010612	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý		Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Nội vụ; Sở Nội vụ
13	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình		Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; Sở Nội vụ
14	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan quản lý hồ sơ
15	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương; Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính)
16	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
17	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
18	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
19	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
20	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
21	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
22	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên		Sở Nội vụ
23	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi		Sở Nội vụ
24	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
25	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		Phòng Nội vụ; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính)
26	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Sở Nội vụ; cơ quan có thẩm quyền
27	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú		Sở Nội vụ
28	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng		Sở Nội vụ
29	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
30	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Sở Nội vụ; Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã
31	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
32	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan
33	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan
34	1.001257	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của		Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Nội vụ, Sở Nội vụ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính)
		Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.		
35	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp		Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Nội vụ, Sở Nội vụ

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (<i>Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính</i>)
1	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung (<i>Về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính</i>)
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp xã

